

Số: 385/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 20 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ số 321/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 3/17 đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Lê Thị V, sinh năm 1977. Nơi đăng ký thường trú: Số 3/17 đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở hiện nay: Số 25 đường K, thị trấn H, huyện S, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần H và bà Lê Thị V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/1999 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà V là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H và bà V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa ông H và bà V là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Trần H và bà Lê Thị V.

[2] Về con chung: Ông Trần H và bà Lê Thị V xác nhận có 02 người con chung là Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 12/9/1996 và Trần L, sinh ngày

29/02/2000. Hiện các cháu H1 và L đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên ông H và bà V không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần H và bà Lê Thị V xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ về tài sản: Ông Trần H và bà Lê Thị V xác nhận không vay nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần H và bà Lê Thị V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần H và bà Lê Thị V có 02 người con chung là Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 12/9/1996 và Trần L, sinh ngày 29/02/2000. Hiện các cháu H1 và L đã trưởng thành (trên 18 tuổi), không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên ông H và bà V không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trần H và bà Lê Thị V xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: Ông Trần H và bà Lê Thị V xác nhận không vay nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần H và bà Lê Thị V mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005870 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Trần H và bà Lê Thị V đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. L, thành phố H;
- (ĐKKH số 28, ngày 10/5/1999);
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Văn Hạnh